

SỞ Y TẾ NAM ĐỊNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Số: 2204/BVT-VTTBYT

Về việc yêu cầu báo giá vật tư y tế
tiêu hao

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày 20 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế.

Hiện nay, Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu 02 gói thầu: Mua vật tư y tế tiêu hao sử dụng thường xuyên 18 tháng của Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng văn thư - Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định; địa chỉ số 2, đường Trần Quốc Toản, TP Nam Định, tỉnh Nam Định.
- Cách tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại Phòng văn thư - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Nam Định. Địa chỉ: số 2, đường Trần Quốc Toản, TP Nam Định, tỉnh Nam Định.
- Thời hạn kết thúc nhận báo giá: 10 giờ 00 phút ngày 04/09/2024
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 150 ngày

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế tiêu hao sử dụng thường xuyên 18 tháng của Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định yêu cầu báo giá theo Phụ lục I đính kèm gồm 02 gói thầu:

- Gói thầu số 1: Chỉ khâu phẫu thuật và các vật tư khác
- Gói thầu số 2: Dây truyền, kim lùn, thông và các loại vật tư khác.

* Mỗi nhà thầu chỉ tham gia chào 01 báo giá, mỗi báo giá bao gồm một hoặc nhiều gói thầu theo Phụ lục I. Nhà thầu có thể vận dụng Biểu mẫu báo giá theo Phụ lục II đính kèm. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá

- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định.
- Thời gian thực hiện: Năm 2024-2026
- Các thông tin khác: Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa kèm theo (nếu có)



Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định rất mong nhận được sự quan tâm và bản chào hàng (báo giá) tốt nhất của quý Công ty/đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công TTĐT BVĐK tỉnh ND;
- Hệ thống mạng đầu thầu QG.
- Lưu: VT, VTTBYT.



GIÁM ĐỐC

Hoàng Thị Kim Yến





Phụ lục I

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO

(Đính kèm công văn số: 2204/BVT-VTTBYT ngày 20/8/2024

của Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định)

Số TT	Tên hàng hóa	Kích cỡ, chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng	Mô tả đặc tính kỹ thuật hàng hoá
Gói thầu số 1: Chỉ khâu phẫu thuật và các vật tư khác					
1	Bộ phân phối dùng trong truyền dịch		Bộ	1.300	Lưu lượng dòng dịch truyền: Khoảng 5-250 ml/giờ. Đường kính ống truyền: Khoảng 2,8x4,1 mm. Độ dài tổng thể: ≥ 210 cm. Vị trí mũi tiêm kiểu chữ Y. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
2	Chỉ khâu không tiêu đa sợi, bện	Số 1	Sợi	4.500	Chỉ không tiêu tự nhiên số 1, không kim dài ≥ 150 cm. Bao bì đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80 GSM Polybond. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
3	Chỉ khâu liên kim tổng hợp tự tiêu đa sợi, bện	Số 2/0	Sợi	10.000	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone (lớp phủ thấp hơn $< 0,5\%$), số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C, ≥ 26 mm. Giữ vết mổ khoảng 28-35 ngày, tan hoàn toàn trong khoảng 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau khoảng 14 ngày và hơn 40% sau khoảng 21 ngày. Kim làm bằng thép không gỉ 300 series hoặc tương đương, phủ silicon. Đường kính kim trong khoảng 0,68 - 1,28mm. Độ bền kéo nút thắt 43,6N và $\geq 163\%$ so với USP. Lực tách kim và chỉ 21,1N. Tiêu chuẩn chất lượng CE hoặc tương đương
4	Chỉ khâu liên kim tổng hợp tự tiêu đa sợi, bện	Số 3/0	Sợi	9.000	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone (lớp phủ thấp hơn $< 0,5\%$), số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C, ≥ 26 mm. Giữ vết mổ khoảng 28-35 ngày, tan hoàn toàn trong khoảng 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau khoảng 14 ngày và hơn 40% sau khoảng 21 ngày. Kim làm bằng thép không gỉ 300 series, phủ silicon. Đường kính kim trong khoảng 0,58 - 0,78mm. Độ bền kéo nút thắt 25,1N và $\geq 142\%$ so với USP. Lực tách kim và chỉ 14,4N. Tiêu chuẩn chất lượng CE hoặc tương đương
5	Chỉ khâu liên kim tổng hợp tự tiêu đa sợi, bện	Số 4/0	Sợi	4.000	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone (lớp phủ thấp hơn $< 0,5\%$), số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn 1/2C, ≥ 18 mm. Giữ vết mổ khoảng 28-35 ngày, tan hoàn toàn trong khoảng 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau khoảng 14 ngày và hơn 40% sau khoảng 21 ngày. Kim làm bằng thép không gỉ 300 series, phủ silicon. Đường kính kim trong khoảng 0,43 - 0,58mm. Độ bền kéo nút thắt 14,3N và $\geq 151\%$ so với USP. Lực tách kim và chỉ 9,4N. Tiêu

					chuẩn chất lượng: CE hoặc tương đương
6	Chỉ khâu liền kim tổng hợp tự tiêu đa sợi, bện	Số 5/0	Sợi	1.800	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone (lớp phủ thấp hơn < 0,5%), số 5/0, dài ≥ 75cm, kim tròn 1/2C, ≥ 18mm. Giữ vết mổ khoảng 28-35 ngày, tan hoàn toàn trong khoảng 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau khoảng 14 ngày và hơn 40% sau khoảng 21 ngày. Kim làm bằng thép không gỉ 300 series, phủ silicon. Đường kính kim trong khoảng 0,33 - 0,43mm. Độ bền kéo nút thắt 9,7N và ≥ 143% so với USP. Lực tách kim và chỉ 6,5N. Tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc tương đương
7	Chỉ khâu liền kim tổng hợp tự tiêu đa sợi, bện	Số 1	Sợi	12.000	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone (lớp phủ thấp hơn < 0,5%), số 1, dài ≥ 90cm, kim tròn 1/2C, ≥ 40mm. Giữ vết mổ trong khoảng 28-35 ngày, tan hoàn toàn trong khoảng 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau khoảng 14 ngày và hơn 40% sau khoảng 21 ngày. Kim làm bằng thép không gỉ 300 series, phủ silicon. Đường kính kim trong khoảng 0,78 - 1,28mm. Độ bền kéo nút thắt 78,4N và ≥ 154% so với USP. Lực tách kim và chỉ 35,2N. Tiêu chuẩn chất lượng: CE và CFG-US
8	Chỉ khâu liền kim tổng hợp tự tiêu đa sợi, bện	Số 2	Sợi	5.000	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone (lớp phủ thấp hơn < 0,5%), số 2, dài ≥ 90cm, kim tròn đầu cắt 1/2C, ≥ 48mm. Giữ vết mổ khoảng 28-35 ngày, tan hoàn toàn trong khoảng 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau khoảng 14 ngày và hơn 40% sau khoảng 21 ngày. Kim làm bằng thép không gỉ 300 series, phủ silicon. Tiêu chuẩn chất lượng CE hoặc tương đương
9	Chỉ khâu liền kim tổng hợp không tan đơn sợi Nylon	Số 2/0	Sợi	2.500	Chỉ không tan đơn sợi chất liệu Polyamide 6.6, số 2/0, dài ≥ 75cm, tam giác 3/8 vòng tròn dài ≥ 26mm, nhuộm màu xanh dương. Kim làm bằng thép không gỉ 302, phủ silicone. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485:2016 và CE hoặc tương đương
10	Chỉ khâu liền kim tổng hợp không tan đơn sợi Nylon	Số 3/0	Sợi	15.000	Chỉ không tan đơn sợi chất liệu Polyamide 6.6, số 3/0, dài ≥ 75cm, tam giác 3/8 vòng tròn dài ≥ 26mm, nhuộm màu xanh dương. Kim làm bằng thép không gỉ 302, phủ silicone. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485:2016 và CE hoặc tương đương
11	Chỉ khâu liền kim tổng hợp không tan đơn sợi Nylon	Số 4/0	Sợi	3.500	Chỉ không tan đơn sợi chất liệu Polyamide 6.6, số 4/0, dài ≥ 75cm, tam giác 3/8 vòng tròn dài ≥ 19mm, nhuộm màu xanh dương. Kim làm bằng thép không gỉ 302, phủ silicone. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485:2016 và CE hoặc tương đương
12	Chỉ khâu liền kim tổng hợp không tan đơn sợi Nylon	Số 5/0	Sợi	2.100	Chỉ không tan đơn sợi chất liệu Polyamide 6.6, số 5/0, dài ≥ 75cm, tam giác 3/8 vòng tròn dài ≥ 16mm, nhuộm màu xanh dương. Kim làm bằng

					thép không gỉ 302, phủ silicone. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485:2016 và CE hoặc tương đương
13	Chỉ khâu liên kim tổng hợp không tan đơn sợi Nylon	Số 6/0	Sợi	800	Chỉ không tan đơn sợi chất liệu Polyaminde 6.6, số 6/0, dài ≥ 45 cm, tam giác 3/8 vòng tròn dài ≥ 12 mm, nhuộm màu xanh dương. Kim làm bằng thép không gỉ 302, phủ silicone. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485:2016 và CE hoặc tương đương
14	Chỉ khâu liên kim catgut chromic tự tiêu sợi đơn	Số 4/0	Sợi	1.200	Chỉ tự tiêu đơn sợi Số 4/0, Chỉ dài ≥ 75 cm, kim tròn, cong 1/2, vòng kim ≥ 20 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
15	Chỉ khâu liên kim tổng hợp không tiêu đơn sợi	Số 2/0	Sợi	2.000	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 2/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt, hợp kim Ethalloy dài ≥ 26 mm, 1/2 vòng tròn. Chỉ được đóng gói quấn quanh khung nhựa giúp hạn chế rời chỉ. Kim được làm bằng hợp kim, phủ silicone có độ bền kéo > 2500 Mpa chống cong, vênh, gãy khi khâu. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
16	Chỉ khâu liên kim tổng hợp không tiêu đơn sợi	Số 3/0	Sợi	2.000	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu tròn, bằng hợp kim Ethalloy, dài ≥ 26 mm 1/2 vòng tròn. Chỉ được đóng gói quấn quanh khung nhựa giúp hạn chế rời chỉ. Kim được làm bằng hợp kim, phủ silicone, có độ bền kéo > 2500 Mpa chống cong, vênh, gãy khi khâu. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
17	Chỉ khâu liên kim tổng hợp không tiêu đơn sợi	Số 4/0	Sợi	3.000	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 4/0 dài ≥ 90 cm, 2 kim tròn đầu tròn màu đen bằng hợp kim Ethalloy, dài ≥ 17 mm 1/2 vòng tròn. Chỉ được đóng gói quấn quanh khung nhựa giúp hạn chế rời chỉ. Kim được làm bằng hợp kim, phủ silicone có độ bền kéo > 2500 Mpa chống cong, vênh, gãy khi khâu. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
18	Chỉ khâu liên kim tổng hợp không tiêu đơn sợi	Số 5/0	Sợi	2.000	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0 dài ≥ 75 cm, 2 kim bằng hợp kim Ethalloy thân tròn đầu tròn dài ≥ 13 mm, 1/2 vòng tròn. Chỉ được đóng gói quấn quanh khung nhựa giúp hạn chế rời chỉ. Kim được làm bằng hợp kim phủ silicone có độ bền kéo > 2500 Mpa chống cong, vênh, gãy khi khâu. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
19	Chỉ khâu liên kim tổng hợp không tiêu đơn sợi	Số 6/0	Sợi	1.000	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0 dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy dài ≥ 11 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ được đóng gói quấn quanh khung nhựa giúp hạn chế rời chỉ. Kim được làm bằng hợp kim phủ silicone có độ bền kéo > 2500 Mpa chống cong, vênh, gãy khi khâu. Hệ thống cảnh báo

					sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
20	Chỉ khâu liền kim tổng hợp không tiêu đơn sợi	Số 7/0	Sợi	1.000	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 7/0 dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn đầu tròn, bằng hợp kim Ethalloy, dài ≥ 9.3 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ được đóng gói quấn quanh khung nhựa giúp hạn chế rối chỉ. Kim được làm bằng hợp kim phủ silicone có độ bền kéo > 2500 Mpa chống cong, vênh, gãy khi khâu. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
21	Chỉ khâu liền kim tổng hợp không tiêu đơn sợi	Số 8/0	Sợi	1.100	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 8/0 dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn đầu tròn BV130-5 bằng hợp kim Ethalloy, dài ≥ 6.5 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ được đóng gói quấn quanh khung nhựa giúp hạn chế rối chỉ. Kim được làm bằng hợp kim phủ silicone có độ bền kéo > 2500 Mpa chống cong, vênh, gãy khi khâu. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
22	Chỉ khâu liền kim tổng hợp không tiêu đơn sợi	Số 10/0	Sợi	300	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 10/0 dài ≥ 30 cm, 2 kim tròn đầu hình thang bằng hợp kim Ethalloy, dài ≥ 6.5 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ được đóng gói quấn quanh khung nhựa giúp hạn chế rối chỉ. Kim được làm bằng hợp kim phủ silicone có độ bền kéo > 2500 Mpa chống cong, vênh, gãy khi khâu. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
23	Lưới dùng trong điều trị và phẫu thuật thoát vị bẹn trái/phải loại phẳng	$\geq 11 \times \geq 7$ cm	Miếng	400	Chất liệu: Polyester. Độ rộng mắt lưới: $\geq 1.1 \times 1.7$ mm Trọng lượng: ≤ 38 g/m ² . Kích thước: $\geq 11 \times \geq 7$ cm Tiệt trùng. Có hệ thống gai siêu nhỏ tự dính vào mô chất liệu Polylactic tự tiêu. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
24	Lưới dùng trong điều trị và phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn phải loại 3Dmax	$\geq 11 \times \geq 7$ cm	Miếng	100	Chất liệu polypropylene sợi đơn lỗ lớn không tự tiêu. Kích thước miếng lưới $\geq 11 \times \geq 7$ cm. Cạnh lưới được hàn giúp giữ hình dạng lưới. Trọng lượng >90g/m ² . Kích thước lỗ lưới: ≥ 1.1 mm x 1.6mm. Bên phải. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
25	Lưới dùng trong điều trị và phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn trái loại 3Dmax	$\geq 11 \times \geq 7$ cm	Miếng	100	Chất liệu polypropylene sợi đơn lỗ lớn không tự tiêu. Kích thước miếng lưới $\geq 11 \times \geq 7$ cm. Cạnh lưới được hàn giúp giữ hình dạng lưới. Trọng lượng >90g/m ² . Kích thước lỗ lưới: ≥ 1.1 mm x 1.6mm. Bên trái. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
26	Ống, dây hút đờm, dịch, khí	Số 6	Cái	1.200	Chất liệu nhựa PVC. Không màu, trong suốt, mềm, một đầu được bo tròn, đầu còn lại được gắn với một đầu nối bằng nhựa dẻo. Trên thân ống có đục 2 lỗ hình bầu dục ($\varnothing = 2$ mm) xen kẽ hai bên thành ống. Phân biệt kích cỡ bằng màu sắc. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, TCCS

27	Ống, dây hút đờm, dịch, khí	Số 8	Cái	1.400	Chất liệu nhựa PVC. Không màu, trong suốt, mềm, một đầu được bo tròn, đầu còn lại được gắn với một đầu nối bằng nhựa dẻo. Trên thân ống có đục 2 lỗ hình bầu dục ($\varnothing = 2\text{mm}$) xen kẽ hai bên thành ống. Phân biệt kích cỡ bằng màu sắc. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, TCCS
28	Ống, dây hút đờm, dịch, khí	Số 10	Cái	1.400	Chất liệu nhựa PVC. Không màu, trong suốt, mềm, một đầu được bo tròn, đầu còn lại được gắn với một đầu nối bằng nhựa dẻo. Trên thân ống có đục 2 lỗ hình bầu dục ($\varnothing = 2\text{mm}$) xen kẽ hai bên thành ống. Phân biệt kích cỡ bằng màu sắc. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, TCCS
29	Ống, dây hút đờm, dịch, khí	Số 12	Cái	8.600	Chất liệu nhựa PVC. Không màu, trong suốt, mềm, một đầu được bo tròn, đầu còn lại được gắn với một đầu nối bằng nhựa dẻo. Trên thân ống có đục 2 lỗ hình bầu dục ($\varnothing = 2\text{mm}$) xen kẽ hai bên thành ống. Phân biệt kích cỡ bằng màu sắc. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, TCCS
30	Ống, dây hút đờm, dịch, khí	Số 14	Cái	51.000	Chất liệu nhựa PVC. Không màu, trong suốt, mềm, một đầu được bo tròn, đầu còn lại được gắn với một đầu nối bằng nhựa dẻo. Trên thân ống có đục 2 lỗ hình bầu dục ($\varnothing = 2\text{mm}$) xen kẽ hai bên thành ống. Phân biệt kích cỡ bằng màu sắc. Đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, TCCS
31	Bộ ống, dây hút đờm, dịch kín		Cái	1.000	Ống hút đàm kín 14Fr có 2 cổng. Một cổng súc rửa và một cổng truyền thuốc. Chiều dài ống dây ≥ 54 cm. Được làm chất liệu PVC không chứa DEHP. Có đầu kết nối với máy hút đàm, van hút thao tác dễ dàng, sử dụng khoảng 72h. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương
Gói thầu số 2: Dây truyền, kim luồn, thông và các loại vật tư khác					
1	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động	50 ml	Cái	6.300	Có đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. Vật liệu polypropylene. Độ trong suốt cao. Độ tương phản cao. Pit tông dễ dàng rút thể tích tối đa (60ml). Không có kim tiêm kèm theo. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
2	Bộ xông khí dung gồm: mặt nạ (mask) người lớn, cốc đựng thuốc, dây dẫn dài 200cm		Bộ	800	Gồm: mặt nạ (mask) người lớn, cốc đựng thuốc, dây dẫn dài 200cm. Chất liệu nhựa PVC, đã tiệt trùng
3	Ca-nuyn	60 mm	Cái	1.500	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng bằng khí E.O. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
4	Ca-nuyn	70 mm	Cái	660	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng bằng khí E.O. Đạt

					tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
5	Ca-nuyn	80 mm	Cái	1.050	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng bằng khí E.O. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
6	Ca-nuyn mở khí quản có bóng	Số 4 LPC	Cái	10	Được sản xuất từ nhựa PVC không độc, trong suốt, mềm mại và trơn phẳng. Bóng thể tích cao tạo ra độ kín của màng nội khí quản tốt. Sử dụng 1 lần, các số, 1 cái/vi, 10vi/hộp . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016
7	Ca-nuyn mở khí quản có bóng	Số 5 LPC	Cái	20	Được sản xuất từ nhựa PVC không độc, trong suốt, mềm mại và trơn phẳng. Bóng thể tích cao tạo ra độ kín của màng nội khí quản tốt. Sử dụng 1 lần, các số, 1 cái/vi, 10vi/hộp . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016
8	Ca-nuyn mở khí quản có bóng	Số 6 LPC	Cái	180	Được sản xuất từ nhựa PVC không độc, trong suốt, mềm mại và trơn phẳng. Bóng thể tích cao tạo ra độ kín của màng nội khí quản tốt. Sử dụng 1 lần, các số, 1 cái/vi, 10vi/hộp . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016
9	Ca-nuyn mở khí quản có bóng	Số 8 LPC	Cái	110	Được sản xuất từ nhựa PVC không độc, trong suốt, mềm mại và trơn phẳng. Bóng thể tích cao tạo ra độ kín của màng nội khí quản tốt. Sử dụng 1 lần, các số, 1 cái/vi, 10vi/hộp . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016
10	Dây truyền máu, truyền chế phẩm máu		Bộ	10.000	Chất liệu ống: P.V.C tương thích với các thành phần của máu, không độc hại không gây sốt. Tỷ lệ tan máu < 5%. Dây dài ≥165cm. Sử dụng cho mục đích truyền máu hoặc thành phần máu. Đầu cắm túi máu sắc nhọn. Kích thước lỗ lọc 200μm, van thông khí có màng lọc giấy lọc y tế kỵ nước.và nằm tại bầu lọc, khóa điều chỉnh dòng chảy. Có đường tiêm chất liệu cao su, kim không cánh cỡ 21G. Bầu nhỏ giọt có phin lọc máu, Đường kính sợi lọc: 0,1 - 0,01mm. Đường kính lỗ lọc 0,2 - 0,01 mm. Khả năng lọc ≥ 80%. Dòng chảy dây truyền ≥ 500 mL trong 10 phút (Dịch đường gluco 40%, Áp suất tĩnh 1m). Dòng chảy dây truyền ≥ 500 mL trong 2 phút (Van khí đóng, Áp suất 100 kPa, Dịch đường gluco 40%). Không rò rỉ khí với áp suất 100 kPa khí trong bộ truyền máu trong vòng 2 phút và áp suất 50 kPa khí trong bộ truyền máu trong vòng 15 giây. Mỗi mối nối của một bộ truyền không bị bung ra ở lực 15N. Tiệt trùng khí EO. Tiêu chuẩn: EC và ISO 13485:2016
11	Dây nối dùng cho thiết bị bơm tiêm điện	L 75 cm	Cái	1.000	Đầu nối khoá ren vặn xoắn, khoá bảo vệ, Dây bằng chất liệu PVC y tế, chống xoắn, mềm dẻo, không latex, không DEHP, thay bằng DEHT an toàn. Chịu áp lực nén lên tới 3 bar (43,512psi), chịu áp lực hút ≥1 bar (14,504psi). Khoá áp lực dương chống trào ngược dịch, máu (khoá bấm chặn dòng tức thì).Đường kính ngoài :

					1,9mm(\pm 5%), đường kính trong : 1,0mm(\pm 5%) , đây dài \geq 75cm. Chứng chỉ ISO, CE hoặc tương đương
12	Dây nối dùng cho thiết bị bơm tiêm điện	L 150 cm	Cái	6.400	Đầu nối khoá ren vận xoắn, khoá bảo vệ, Dây bằng chất liệu PVC y tế, chống xoắn, mềm dẻo, không latex, không DEHP, thay bằng DEHT an toàn Chịu áp lực nén lên tới 3 bar (43,512psi), chịu áp lực hút \geq 1 bar (14,504psi). Khoá áp lực đương chống trào ngược dịch, máu (khoá bấm chặn dòng tức thì) Đường kính ngoài : 1,9mm(\pm 5%), đường kính trong : 1,0mm(\pm 5%) , đây dài \geq 150cm. Chứng chỉ ISO, CE hoặc tương đương
13	Kim lấy máu, lấy thuốc	G18	Cái	550.000	Chất liệu kim: Thép không rỉ, mũi kim cắt vát 3 cạnh, sắc, nhọn, kim được phủ silicon, đã tiệt trùng. Vi đưng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485
14	Kim lấy máu, lấy thuốc	G20	Cái	86.000	Chất liệu kim: Thép không rỉ, mũi kim cắt vát 3 cạnh, sắc, nhọn, kim được phủ silicon, đã tiệt trùng. Vi đưng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485
15	Kim luồn mạch máu	Số 24	Cái	2.000	Có cánh, có công bơm thuốc. Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát. Ống catheter làm từ chất liệu PTFE tương thích sinh học, có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim. Chiều dài kim \geq 82mm. Độ dài vát mặt kim: \geq 2mm. Lực đâm khoảng 125.00 gf. Độ cứng khoảng 0,23 đến 0,35mm. Đầu catheter thon nhọn. thời gian lưu kim 72h. có màu phân biệt, ID \geq 0.5mm, OD \geq 0.7mm, Chiều dài \geq 19mm. Tốc độ dòng khoảng 20ml/phút. Tiêu chuẩn ISO13485, CE
16	Kim luồn mạch máu	Số 22	Cái	28.000	Có cánh, có công bơm thuốc. Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát. Ống catheter làm từ chất liệu PTFE tương thích sinh học, có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim. Chiều dài kim \geq 82mm. Độ dài vát mặt kim: \geq 2mm. Lực đâm khoảng 125.00 gf. Độ cứng khoảng 0,23 đến 0,35mm. Đầu catheter thon nhọn. thời gian lưu kim 72h. có màu phân biệt, ID \geq 0.6mm, OD \geq 0.9mm, Chiều dài \geq 25mm. Tốc độ dòng khoảng 36ml/phút. Tiêu chuẩn ISO13485, CE
17	Kim luồn mạch máu	Số 20	Cái	42.000	Có cánh, có công bơm thuốc. Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát. Ống catheter làm từ chất liệu PTFE tương thích sinh học, có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim. Chiều dài kim \geq 82mm. Độ dài vát mặt kim: \geq 2mm. Lực đâm khoảng 125.00 gf. Độ cứng khoảng 0,23 đến 0,35mm. Đầu catheter thon nhọn. thời gian lưu kim 72h. có màu phân biệt, ID \geq 0.8mm, OD \geq 1.1mm, Chiều dài \geq 32mm. Tốc độ dòng khoảng 60ml/phút. Tiêu chuẩn ISO13485, CE
18	Kim luồn mạch máu	Số 18	Cái	24.600	Có cánh, có công bơm thuốc. Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát. Ống catheter làm từ chất liệu PTFE tương thích sinh học, có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim. Chiều dài kim \geq 82mm. Độ dài vát mặt kim: \geq 2mm. Lực đâm khoảng 125.00 gf. Độ cứng khoảng

					0,23 đến 0,35mm. Đầu catheter thon nhọn. thời gian lưu kim 72h. có màu phân biệt, ID ≥0.9mm, OD ≥1.3mm, Chiều dài ≥ 45mm. Tốc độ dòng khoảng 90ml/phút. Tiêu chuẩn ISO13485, CE
19	Kim chọc dò	G18, G20	Cái	300	Đầu kim sắc bén giúp giảm lực đâm. Nòng kim vừa khít với thân kim, hạn chế nguy cơ tạo u biểu mô. Chuôi kim trong suốt, có thiết kế lăng kính pha lê phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016, chứng chỉ EC
20	Kim gây tê, gây mê	G25	Cái	6.000	Đầu kim sắc bén giúp giảm lực đâm. Nòng kim vừa khít với thân kim, hạn chế nguy cơ tạo u biểu mô. Chuôi kim trong suốt, có thiết kế lăng kính pha lê phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016, chứng chỉ EC
21	Kim đo áp lực tĩnh mạch trung tâm (CPV)	1 nòng	Bộ	160	Kim dẫn đường sắc bén. Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vận xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn. Có dao mổ và kim nong bằng nhựa. Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 6F, chiều dài 20cm, 1 nòng, kích cỡ nòng G14. Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn. Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
22	Kim đo áp lực tĩnh mạch trung tâm (CPV)	2 nòng	Bộ	600	Kim dẫn chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí. Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vận xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn. Có dao mổ và kim nong bằng nhựa. Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính 7F, chiều dài 20cm, kích cỡ nòng G16,G16. Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn. Có dây điện cực để đo ECG. Theo tiêu chuẩn ISO 13485-2012.
23	Ống/dây cho ăn	Số 12	Cái	1.000	Các số: 12 (đường kính trong 4.0mm) vạch đánh dấu tại 45, 55, 65, 75 cm, có 4 mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn có đường cản quang chạy dọc thân ống. Chất liệu PVC mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đóng gói 25 cái/hộp. Tiêu chuẩn ISO, EC.
24	Ống/dây cho ăn	Số 14	Cái	2.300	Các số: 14 (đường kính trong 4.7mm) vạch đánh dấu tại 45, 55, 65, 75 cm, có 4 mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn có đường cản quang chạy dọc thân ống. Chất liệu PVC mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đóng gói 25 cái/hộp. Tiêu chuẩn ISO, EC.
25	Ống/dây cho ăn	Số 18	Cái	13.500	Các số: 18 (đường kính trong 6.0mm) vạch đánh dấu tại 45, 55, 65, 75 cm, có 4 mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn có đường cản quang chạy dọc thân ống. Chất liệu PVC mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đóng gói 25 cái/hộp. Tiêu chuẩn ISO, EC.
26	Ống thở oxy 2 gọng	Người lớn	Cái	29.200	Các cỡ XS, S, M, L. Dây dẫn chính có chiều dài 2000 mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC

					nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)
27	Ống dẫn lưu màng phổi	Số 5	Cái	5.600	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong & ngoài ống khoảng 5mm, chiều dài từ khoảng 395mm trở lên. Được tiệt trùng bằng EO. Sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001; 13485, GMP
28	Ống dẫn lưu màng phổi	Số 7	Cái	4.300	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong & ngoài ống khoảng 7mm, chiều dài từ khoảng 395mm trở lên. Được tiệt trùng bằng EO. Sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001; 13485, GMP
29	Thông Foley 2 chạc	Số 14	Cái	6.600	Chất liệu: cao su tự nhiên dùng cho y tế. Thân mềm mại, chống gãy gập và được phủ silicon. Bóng chèn thể tích có thể lựa chọn 10, 30ml. Van 1 chiều có hai loại cứng và mềm phù hợp với yêu cầu của thủ thuật. Đầu nối mã hóa màu, nhận diện dễ dàng. Chiều dài ống ≥ 40 cm, đầu tít nelaton với hai mắt thông nhau. Kích thước: Size 12Fr-16Fr, bóng 10-30ml, O.D: 4.0-5.3. Tiêu chuẩn: EC và ISO 13485:2016
30	Thông Foley 2 chạc	Số 16	Cái	2.300	Chất liệu: cao su tự nhiên dùng cho y tế. Thân mềm mại, chống gãy gập và được phủ silicon. Bóng chèn thể tích có thể lựa chọn 10, 30ml. Van 1 chiều có hai loại cứng và mềm phù hợp với yêu cầu của thủ thuật. Đầu nối mã hóa màu, nhận diện dễ dàng. Chiều dài ống ≥ 40 cm, đầu tít nelaton với hai mắt thông nhau. Size 12Fr-16Fr, bóng 10-30ml, O.D: 4.0-5.3. Tiêu chuẩn: EC và ISO 13485:2016
31	Thông Foley 2 chạc	Số 18	Cái	6.500	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: cao su tự nhiên dùng cho y tế - Thân mềm mại, chống gãy gập và được phủ silicon. - Bóng chèn thể tích có thể lựa chọn 10, 30ml - Van 1 chiều có hai loại cứng và mềm phù hợp với yêu cầu của thủ thuật - Đầu nối mã hóa màu, nhận diện dễ dàng. - Chiều dài ống 40cm, đầu tít nelaton với hai mắt thông nhau. - Kích thước: Size 12Fr-16Fr, bóng 10-30ml, O.D: 4.0-5.3 - Tiêu chuẩn: EC và ISO 13485:2016
32	Thông Foley 3 chạc	Số 20	Cái	400	Chất liệu: cao su tự nhiên dùng cho y tế. Thân mềm mại, chống gãy gập và được phủ silicon. Bóng chèn thể tích 30ml. Van 1 chiều có hai loại cứng và mềm phù hợp với yêu cầu của thủ thuật. Đầu nối mã hóa màu, nhận diện dễ dàng. Chiều dài ống khoảng 40cm, đầu tít nelaton với ba mắt thông nhau. Dùng đặt ống thông bàng quang ngắn hạn Kích thước: Size 16Fr-22Fr, O.D: 5.3 - 7.3. Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE (TUV)
33	Thông Foley 3 chạc	Số 22	Cái	1.000	Chất liệu: cao su tự nhiên dùng cho y tế. Thân mềm mại, chống gãy gập và được phủ silicon. Bóng chèn thể tích 30ml. Van 1 chiều có hai

					loại cứng và mềm phù hợp với yêu cầu của thủ thuật. Đầu nối mã hóa màu , nhận diện dễ dàng. Chiều dài ống khoảng 40cm, đầu típ nelaton với ba mắt thông nhau. Dùng đặt ống thông bàng quang ngắn hạn. Kích thước: Size 16Fr-22Fr, O.D: 5.3 - 7.3.Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE (TUV)
34	Thông Foley 3 chạc	Số 24	Cái	400	Chất liệu: cao su tự nhiên dùng cho y tế. Thân mềm mại, chống gãy gập và được phủ silicon. Bóng chèn thể tích 30ml. Van 1 chiều có hai loại cứng và mềm phù hợp với yêu cầu của thủ thuật. Đầu nối mã hóa màu , nhận diện dễ dàng. Chiều dài ống 40cm, đầu típ nelaton với ba mắt thông nhau. Dùng đặt ống thông bàng quang ngắn hạn. Kích thước: Size 16Fr-22Fr, O.D: 5.3 - 7.3. Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE (TUV)
35	Vật liệu cầm máu loại Bone	loại ≥ 2 gram	Miếng	1.200	Hỗn hợp tiết trùng gồm sáp ong, isopropyl myristat hoặc sáp ong iso propyl palmitat và sáp parafin. Sản phẩm có màu trắng đục và có mùi sáp. Hộp chứa 12 gói, mỗi gói chứa ≥ 2 g sáp tiết trùng, gói đóng trong vỏ nhôm, đóng bao bì riêng.
36	Vật liệu cầm máu loại surgicel	10 x 20 cm	Miếng	1.400	Là vật liệu được làm từ Xenluloza tái tạo bằng quy trình oxi hóa được kiểm soát. Miếng vật liệu có màu trắng ngà. Có thể khâu lên hoặc cắt ra mà không bị tua ra. Miếng vật liệu cầm máu có thể bảo quản ở nhiệt độ phòng mà không bị ảnh hưởng, có thể hơi bị ngả màu nếu bảo quản lâu nhưng chất lượng không bị thay đổi. Sản phẩm có khả năng kiểm khuẩn. Hỗ trợ cầm máu mao mạch, tĩnh mạch và động mạch nhỏ khi các biện pháp khâu, nối truyền thống không thực hiện được. Hộp 12 gói nhôm, mỗi gói chứa 1 miếng vật liệu cầm máu.

Phụ lục II
BÁO GIÁ

(Đính kèm công văn số: 2204/BVT-VTTBYT ngày 20/8/2024
của Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định)

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư, invitro dùng trong xét nghiệm sinh hóa như sau:

1. Danh mục báo giá

STT	Danh mục vật tư y tế	Kích cỡ chủng loại	Ký, mã, nhãn hiệu, model	hãng sản xuất, xuất xứ	Năm sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Mô tả đặc tính kỹ thuật của hàng hóa báo giá
1	Hàng hóa A										
2	Hàng hóa B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa (nếu có))

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 150 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))